TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HUYỆN KRÔNG BÔNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TỈNH ĐĂK LĂK

Bản án số: 13/2019/HN&GĐ - ST

Ngày: 29/11/2019

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Như Thịnh: Nguyên là giáo viên

2. Bà Trương Thị Lệ Chi: Phó chủ tịch Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2019/TLST–HNGĐ ngày 03/10/2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31 /2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2019, giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm: 1982

Bị đơn: Trần Văn V , sinh năm: 1982

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã HT, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, chị Nguyễn Thị Thúy K **(**là nguyên đơn**)** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn V kết hôn với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, KB, Đăk Lăk. Quá trình chung sống hoà thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V hay ghen tuông, uống rượu về đập phá đồ đạc trong nhà, thậm chí kề dao vào cổ chị và dọa giết, có lần anh V còn mở bình gas, nối điện từ ổ điện với cửa sắt nhằm mục đích gây điện giật. Do lo sợ sẽ nguy hiểm đến tính mạng nên ngày 12/9/2019, chị và con trai đã về nhà mẹ đẻ của chị ở thôn D, xã KNĐ, KB, Đăk Lăk để sinh sống cho đến nay. Nhận thấy, không thể níu kéo, đoàn tụ để duy trì hạnh phúc gia đình được nữa nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn V.

- Về con chung: Chị và anh Trần Văn V có một người con chung là Trần Hoài N; sinh ngày 19/4/2008.

Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thúy K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng).

- Về tài sản chung : Khi làm đơn xin ly hôn, chị K cũng yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung của vợ chồng gồm: Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 40; diện tích 188m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 891 071 ngày 18/7/2013; tại thôn A, HT, KB, Đăk Lăk . Tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 60m^2, xây dựng năm 2013; trị giá: 20.000.000đ; 01 tủ thờ, trị giá: 500.000đ; 02 tủ quần áo, trị giá 200.000đ; 01 tủ lạnh, trị giá: 300.000đ; Còn 2.300m^2 đất trồng cà phê và 2.000m^2 đất trồng lúa gia đình chồng cho vợ chồng thì trả lại cho nhà chồng.

Về nợ chung: Hiện nay, vợ chồng chị nợ Hon da S ở Tổ dân phố E, thị trấn KK , KB, Đăk Lăk số tiền là 5.700.000đ (tiền mua phụ tùng cho anh Vũ sửa xe), số nợ

này giao cho anh V có trách nhiệm trả; Nợ Công đoàn xã HT, KB, Đăk Lăm là 3.000.000đ, số nợ này chị K nhận trách nhiệm trả.

Tuy nhiên, đến ngày 07/11/2019, chị K có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng khi ly hôn để giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại bản khai ngày 15/10/2019 và tại các biên bản làm việc, bị đơn anh Trần Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Anh đồng ý với ý kiến của chị K về việc anh và chị Nguyễn Thị Thúy K kết hôn với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, KB, Đăk Lăk. Quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu được hạnh phúc, gần đây vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn, lý do là anh đã nhiều lần phát hiện chị K nhắn tin và gọi điện cho trai vào đêm khuya, nhiều lần chị K khóa cửa phòng ngủ không cho anh vào nên anh đã bức xúc và đập vỡ cửa phòng ngủ. Anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng tới ngày 12/9/2019, chị K đã dẫn con về nhà ngoại ở thôn D, xã KNĐ, KB, Đăk Lăk để ở, chị K cũng có về nhà lấy đồ cho con, anh cũng đã nói với chị K là đưa con về nhà để con còn đi học và vợ chồng sum họp làm ăn để cùng nuôi dạy con nhưng chị K không về. Hiện nay, chị K làm đơn xin ly hôn, nguyện vọng của anh là không đồng ý ly hôn, vì anh V không muốn cảnh vợ chồng ly tán và con không có cha hoặc mẹ.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Thúy K có một người con chung là Trần Hoài N; sinh ngày 19/4/2008. Trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị Kiều có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh đồng ý với số tài sản chung của vợ chồng và cách chia (chia đôi) mà chị K đã kê khai như trong đơn khởi kiện gồm: Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 40; diện tích 188m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 891 071 ngày 18/7/2013; tại thôn A, HT, KB, Đăk Lăk . Tài sản gắn liền với đất là 01 căn

nhà xây cấp 4, diện tích 60m^2, xây dựng năm 2013; trị giá: 20.000.000đ; 01 tủ thờ, trị giá: 500.000đ; 02 tủ quần áo, trị giá 200.000đ; 01 tủ lạnh, trị giá: 300.000đ. Tuy nhiên, do không muốn ly hôn nên anh V không đồng ý chia tài sản chung . Đối với 2.300m^2 đất trồng cà phê và 2.000m^2 đất trồng lúa là của gia đình anh cho nên anh cũng đồng ý trả lại cho bố mẹ anh.

Về nợ chung, anh đồng ý là vợ chồng anh có nợ Hon da S ở Tổ dân phố E, thị trấn KK, KB, Đăk Lăk số tiền là 5.700.000đ (tiền mua phụ tùng sửa xe), số nợ này anh đồng ý trả . Còn nợ Công đoàn xã HT 3.000.000đ, số nợ này anh không biết nên anh không chịu trách nhiệm trả.

Tại bản tự khai ngày 16/10/2019, cháu Trần Hoài N, con của anh Trần Văn V và chị Nguyễn Thị Thúy K trình bày: Khi cha mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn được ở với mẹ vì cháu rất sợ ba.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị Thúy K vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Trần Văn V. Muốn được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị Thúy K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, chị Nguyễn Thị Thúy K tự nguyện chịu trách nhiệm nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của các đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát Viên, HĐXX nhận định như sau:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* các đương sự có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã HT,

KB, Đăk Lăk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông – Đăk lăk.

Mặc dù, Tòa án đã triệu tập anh Trần Văn V nhiều lần nhưng anh V không đến Tòa án để tham dự phiên tòa . Việc anh Trần Văn V không đến Tòa án tham dự phiên tòa là tự từ bỏ quyền được tham gia tố tụng tại Tòa án của chính mình và đây cũng là lần thứ hai, phiên tòa được mở nhưng anh Trần Văn V vắng mặt mà không có lý do.

Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Trần Văn V tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, KB, Đăk Lăk. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Trần Văn V là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau đã xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu về tình cảm. Từ ngày 12/9/2019 đến nay, chị K đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn D xã KNĐ, KB, Đăk Lăk để sinh sống .

Tại biên bản xác minh ngày 29/10/2019 và biên bản xác minh ngày 08/11/2019 tại địa phương xã HT, huyện KB, Đăk Lăk thì được biết: Vào khoảng tháng 6/2019, khoảng 10 giờ đêm, Công an xã nhận được tin báo về việc anh V đánh chị K. Công an xã cử người xuống nhà anh V và chị K và có lập biên bản hiện trường. Hiện nay, chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Trần Văn V không còn chung sống với nhau; Chỉ có anh V ở nhà còn chị K và con trai đã về nhà mẹ đẻ để sinh sống không còn ở nhà từ khoảng tháng 9 đến nay.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Trần Văn V là do không còn sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, không thể hòa giải đoàn tụ được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình: Cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy K đối với anh Trần Văn V.

Về con chung: Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Trần Văn V đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Còn cháu Trần Hoài N thì muốn được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

Để đảm bảo quyền lợi của người con chưa thành niên, cần giao con chung là Trần Hoài N cho chị Nguyễn Thị Thúy K trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị Nguyễn Thị Thúy K rút yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS, cần chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị Thúy K đối với anh Trần Văn V.

Còn anh Trần Văn V không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy K cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung: Mặc dù khi làm đơn xin ly hôn với anh Trần Văn V, chị Nguyễn Thị Thúy K yêu cầu Tòa án giải quyết về việc phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng khi ly hôn nhưng vào ngày 07/11/2019, chị K xin rút yêu cầu về việc phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng để giải quyết bằng một vụ án khác. Đây là sự tự nguyện của chị K, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS, cần chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy K. Khi đương sự có yêu cầu sẽ thụ lý và giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy K tự nguyện nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 25 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy K với anh Trần Văn V. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Trần Văn V chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Hoài N; sinh ngày 19/4/2008 cho chị Nguyễn Thị Thúy K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị Thúy K đối với anh Trần Văn V. Các đương sự có quyền nộp đơn khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con lại theo quy định tại khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự .

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thúy K về việc giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Các đương sự có quyền nộp đơn khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng lại theo quy định tại khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự .

4. Về án phí: Số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị K phải chịu là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền mà chị Kiều đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005970 ngày 02/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thúy K 307.000đ (*ba trăm lẻ bảy ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn là mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh*
TÒA
- *VKSND huyện*
- *Chi cục THA DS*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN

Trương Thị Huế